TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ LONG MỸ** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do- Hạnh Phúc**

Bản án số: 126/2018/DS-ST
Ngày: 30 – 8 – 2018
V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ LONG MỸ
TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên tòa: Ông Lư Trường Tây

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Bạch Minh

Bà Lê Thị Diễm Thi

***Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Thanh Lil – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 30 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 109/2018/TLST-DS ngày 28 tháng 5 năm 2018 về việc tranh chấp hợp đồng góp hụi theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 128/2018/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 38/2018/QĐST-DS ngày 16 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đinh Thị Huyền T, sinh năm: 1977.

Trú tại: ấp B, xã L, thị xã M, tỉnh Hậu Giang, (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Bà Phạm Ngọc N, sinh năm: 1968 và ông Nguyễn Hữu M1, sinh năm: 1966.

Cùng Trú tại: ấp B, xã L, thị xã M, tỉnh Hậu Giang, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Đinh Thị Huyền T trình bày:

Bà Đinh Thị Huyền T tham gia chơi hụi của vợ chồng ông Nguyễn Hữu M1 và bà Phạm Ngọc N 01 dây hụi cụ thể như sau: Vào ngày 20/7/2011 (âm lịch) bà Phạm Ngọc N mở dây hụi mùa 2.000.000 đồng/lần đóng, có 19 hụi viên, 04 tháng khui một lần, bà Đinh Thị Huyền T tham gia chơi 02 phần hụi và đã hốt 01 chận hụi vào ngày 20/10/2014, phần hụi còn lại đóng hụi sống cho bà Phạm Ngọc N được 15 lần với số tiền là 30.000.000 đồng.

Đến ngày 09/7/2016 bà Phạm Ngọc N tuyên bố vỡ hụi thì bà Đinh Thị Huyền T đi gom hụi chết và sau khi cấn trừ tiền hụi thì vợ chồng ông Nguyễn Hữu M1 và bà Phạm Ngọc N còn nợ lại 2.000.000 đồng nên bà Đinh Thị Huyền T yêu cầu bà Phạm Ngọc N cùng chồng là ông Nguyễn Hữu M1 trả cho bà Đinh Thị Huyền T số tiền là 2.000.000 đồng.

Bị đơn Phạm Ngọc N có lời khai và tại biên bản hòa giải trình bày: Bà Phạm Ngọc N thừa nhận lời trình bày của bà Đinh Thị Huyền T là đúng và đồng ý trả số tiền 2.000.000 đồng cho bà Đinh Thị Huyền T nhưng do gia đình chưa bán đất được nên chưa trả cho bà Đinh Thị Huyền T.

Đối với bị đơn Nguyễn Hữu M1: Trong quá trình tiến hành tố tụng, từ khi Tòa án thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã triệu tập ông Nguyễn Hữu M1 để tiến hành phiên họp, phiên hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng ông Nguyễn Hữu M1 đều vắng mặt nên Tòa án không ghi được lời khai của ông Nguyễn Hữu M1 cũng như ông Nguyễn Hữu M1 không thể hiện ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng góp hụi" theo Điều 26, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn Phạm Ngọc N, Nguyễn Hữu M1 đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt.

[3] Về nội dung vụ án: Xét thấy, giữa bị đơn bà Phạm Ngọc N và nguyên đơn bà Đinh Thị Huyền T có thỏa thuận và giao kết hợp đồng góp hụi trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, các bên tham gia giao dịch là người có đủ năng lực hành vi dân sự nên đây là giao dịch dân sự hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[4] Trong quá trình hòa giải bà Đinh Thị Huyền T và bà Phạm Ngọc N thống nhất có tham gia chơi hụi với nhau và thống nhất số tiền mà bà Phạm Ngọc N còn nợ bà Đinh Thị Huyền T là 2.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy việc chơi hụi giữa bà Phạm Ngọc N và bà Đinh Thị Huyền T là có thật, căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự tình tiết đó không phải chứng minh.

[5] Quá trình thực hiện hợp đồng bà Phạm Ngọc N đã vi phạm hợp đồng mà hai bên đã thỏa thuận nên phát sinh tranh chấp. Trong vụ án này bà Phạm Ngọc N là chủ hụi đã thu tiền của hụi viên tham gia chơi hụi, sau đó tuyên bố vỡ hụi thì bà Phạm Ngọc N phải có nghĩa vụ trả lại phần tiền mà các hụi viên đã đóng. Do đó, bà Đinh Thị Huyền T khởi kiện yêu cầu bà Phạm Ngọc N có trách nhiệm trả lại số tiền đã đóng hụi là 2.000.000 đồng là có cơ sở để chấp nhận.

[6] Về nghĩa vụ trả nợ: Ông Nguyễn Hữu M1 không trực tiếp thực hiện giao hụi với bà Đinh Thị Huyền T nhưng ông Nguyễn Hữu M1 và Phạm Ngọc N là vợ chồng và trong danh sách hụi cũng thể hiện ông Nguyễn Hữu M1 là chủ hụi. Xét thấy, việc bà Phạm Ngọc N thực hiện giao dịch hụi cùng với bà Đinh Thị Huyền T vì lợi ích của gia đình vợ chồng ông Nguyễn Hữu M1. Do đó, Căn cứ vào Điều 27, khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình 2014 nên ông Nguyễn Hữu M1 có trách nhiệm liên đới cùng với bà Phạm Ngọc N trả số tiền 2.000.000 đồng cho bà Đinh Thị Huyền T.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý

và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn Phạm Ngọc N, Nguyễn Hữu M1 phải chịu là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, khoản 2 Điều 92; Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 479 Bộ luật dân sự 2005; Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường; Điều 27, Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đinh Thị Huyền T đối với bị đơn Phạm Ngọc N và Nguyễn Hữu M1.

Buộc bị đơn Phạm Ngọc N và Nguyễn Hữu M1 trả cho nguyên đơn bà Đinh Thị Huyền T số tiền 2.000.000 đồng *(Hai triệu đồng)*.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn Phạm Ngọc N và Nguyễn Hữu M1 phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*. Nguyên đơn bà Đinh Thị Huyền T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu số 0015595 phiếu lập ngày 28/5/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương nơi bị đơn cư trú.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND thị xã Long Mỹ;
- Chi cục THA dân sự thị xã Long Mỹ;
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

Lư Trường Tây